

BỘ NỘI VỤ
Số: 10 /2009/TT-BNV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2009

THÔNG TƯ
Quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá

Căn cứ Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan Nhà nước; Nghị định số 09/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tại công văn số 1277/BKH-CN-PC ngày 27 tháng 5 năm 2009 về việc ban hành Thông tư quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa như sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức làm việc trong các cơ quan thực hiện chức năng kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 3. Chức danh, mã số ngạch công chức chuyên ngành kiểm soát chất lượng, gồm:

1. Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá
Mã số ngạch 13.280;
2. Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá
Mã số ngạch 13.281;
3. Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá
Mã số ngạch 13.282;
4. Kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá
Mã số ngạch 13.283.

Chương II

TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Điều 4. Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Chức trách:

Kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá là công chức chuyên môn nghiệp vụ cao nhất của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giúp lãnh đạo Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì xây dựng chương trình, kế hoạch, chính sách và các phương án, nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn được phân công hoặc trong phạm vi toàn quốc để chỉ đạo thực hiện;

b) Chủ trì, chỉ đạo việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xử lý vi phạm pháp luật và đề xuất hình thức xử lý vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đối với những vụ việc có mức độ phức tạp;

c) Chủ trì, chỉ đạo xây dựng nề nếp quản lý về chất lượng sản phẩm, hàng hoá. Chủ trì việc tổng kết, xây dựng báo cáo, đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; kiến nghị sửa đổi, bổ sung chế độ chính sách, các quy định liên quan đến công tác kiểm tra chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Chủ trì xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; thực hiện các đề án, đề tài nghiên cứu

khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

đ) Chủ trì, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ thuật kiểm định của ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đề xuất các biện pháp điều chỉnh đối với hệ thống quản lý, nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; biên soạn tài liệu, giáo trình để đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kinh nghiệm trong ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Năng lực:

a) Có kiến thức sâu về chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; có khả năng đảm nhận trách nhiệm là trưởng đoàn, phó trưởng đoàn kiểm tra; tổ chức, hướng dẫn công chức cùng chuyên ngành cấp dưới thực hiện nhiệm vụ được giao;

b) Chủ trì, tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn các kiểm soát viên chất lượng cùng chuyên ngành cấp dưới triển khai có hiệu quả các hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

c) Có khả năng tổ chức, phối hợp hiệu quả với các cơ quan, tổ chức liên quan để thực hiện công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp, khái quát các hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

đ) Có năng lực xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho công chức cùng chuyên ngành cấp dưới;

e) Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến phục vụ công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Trình độ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm soát viên cao cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cao cấp;

d) Có trình độ cao cấp lý luận chính trị;

đ) Có ngoại ngữ trình độ C trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức) hoặc một ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí làm việc;

e) Có trình độ tin học văn phòng (sử dụng thành thạo các kỹ năng của Microsoft Word, Microsoft Excel, Internet để phục vụ công tác chuyên môn);

g) Có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá hoặc ngạch tương đương tối thiểu là 6 năm;

h) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện đề tài, đề án nghiên cứu khoa học liên quan đến kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá được nghiệm thu và đánh giá đạt yêu cầu.

Điều 5. Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Chức trách:

Kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giúp lãnh đạo cơ quan chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện việc kiểm tra về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng chương trình, kế hoạch và kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong phạm vi được phân công;

b) Chủ trì, tổ chức thực hiện kiểm tra và đề xuất các biện pháp nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá (xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ vi phạm pháp luật); xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo thẩm quyền và phạm vi được phân công phụ trách;

c) Tổ chức thực hiện nề nếp quản lý nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá (thông tin quản lý, thống kê số liệu, hồ sơ lưu giữ, quy trình, thủ tục kiểm tra theo yêu cầu của lãnh đạo). Tổng hợp, báo cáo, đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm về công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; kiến nghị với cấp có thẩm quyền các biện pháp nhằm hoàn thiện cơ chế kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong từng thời kỳ;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; thực hiện đề án, đề tài nghiên cứu khoa học về lĩnh vực kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

đ) Tổ chức, hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra đối với công chức cùng chuyên ngành; tham gia biên soạn (từng phần hoặc chuyên đề) các tài liệu, giáo trình để đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kinh nghiệm cho ngạch công chức cùng chuyên ngành cấp dưới.

3. Năng lực:

a) Có kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ về chuyên ngành kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; có khả năng đảm nhận trách nhiệm là trưởng đoàn,

phó trưởng đoàn kiểm tra; tổ chức thực hiện việc hướng dẫn và kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

b) Chủ trì và tổ chức triển khai có hiệu quả các hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Có khả năng phối hợp hiệu quả với các cơ quan, tổ chức liên quan trong quá trình kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

đ) Có khả năng xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu chuyên môn nghiệp vụ để đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho công chức cùng chuyên ngành cấp dưới;

e) Có khả năng nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Trình độ:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm soát viên chính chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính;

d) Có ngoại ngữ trình độ B trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức) hoặc một ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm;

đ) Có trình độ tin học văn phòng (sử dụng thành thạo các kỹ năng của Microsoft Word, Microsoft Excel, Internet để phục vụ công tác chuyên môn);

e) Có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá hoặc ngạch tương đương tối thiểu là 9 năm.

Điều 6. Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Chức trách:

Kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hoá là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; giúp lãnh đạo cơ quan tổ chức thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Nhiệm vụ:

a) Tham gia xây dựng kế hoạch và đề xuất phương án kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá để tổ chức thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện kiểm tra và đề xuất các biện pháp kiểm tra như: xác minh, thu thập tài liệu, các chứng cứ có liên quan đến việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; xử lý các vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá theo thẩm quyền hoặc đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện nề nếp nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (phương pháp thu thập thông tin, kiểm tra hồ sơ quản lý, lưu giữ tài liệu, số liệu), bảo đảm quản lý chặt chẽ, chính xác, đúng nguyên tắc theo yêu cầu nghiệp vụ của ngành. Báo cáo, kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; đề xuất với cấp trên các biện pháp nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kiểm tra cho ngạch công chức cùng chuyên ngành cấp dưới.

3. Năng lực:

a) Nắm được quy trình, thủ tục, nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa; có khả năng độc lập, chủ động thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

b) Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Có khả năng phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Có khả năng tổng hợp, báo cáo các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

4. Trình độ

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm soát viên chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch chuyên viên;

d) Có ngoại ngữ trình độ B (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức) hoặc một ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí làm việc;

đ) Có trình độ tin học văn phòng (sử dụng thành thạo các kỹ năng của Microsoft Word, Microsoft Excel, Internet để phục vụ công tác chuyên môn).

Điều 7. Kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá

1. Chức trách:

Kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm, hàng hoá là công chức chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá; thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

2. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện kế hoạch kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá đã được phê duyệt;

b) Trực tiếp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ có liên quan về chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi công việc được phân công;

c) Xử lý các vi phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý vi phạm về chất lượng sản phẩm, hàng hoá đối với những vụ việc được phân công;

d) Quản lý hồ sơ, tài liệu, thống kê, lưu giữ tài liệu, số liệu đầy đủ, chính xác theo yêu cầu nghiệp vụ quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

3. Năng lực:

a) Có khả năng độc lập, chủ động thực hiện việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá trong phạm vi nhiệm vụ được phân công;

b) Nắm vững nghiệp vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

c) Có khả năng phối hợp tốt với các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá;

d) Có khả năng thống kê, quản lý lưu giữ hồ sơ, tài liệu, số liệu theo yêu cầu nghiệp vụ quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

4. Trình độ:

a) Có bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp trở lên thuộc các chuyên ngành phù hợp với việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ ngạch kiểm soát viên trung cấp chất lượng sản phẩm hàng hoá;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch cán sự;

d) Có ngoại ngữ trình độ A trở lên (một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức) hoặc một ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí làm việc;

đ) Có trình độ tin học văn phòng (sử dụng thành thạo các kỹ năng của Microsoft Word, Microsoft Excel, Internet để phục vụ công tác chuyên môn).

Chương III**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Thông tư này là căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức ngành kiểm soát chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành quy định tại Thông tư này. *at*

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ Pháp chế và các Vụ, Cục, tổ chức thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

BỘ TRƯỞNG



Trần Văn Tuấn